

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, Quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Ông Phan Trọng N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014). (Ngày 11/02/2020 có văn bản không tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M quen biết thời gian một năm được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 02/6/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có

02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/11/2018. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, thời gian sau này giữa chị và anh M thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau. Nguyên nhân là do anh M không lo làm ăn, thường xuyên đe dọa đánh đập chị, chị có nhờ bên gia đình chồng khuyên giải nhưng anh M không thay đổi. Chị và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị trực tiếp nuôi con. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh M; Về con chung: Chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/11/2018; Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng mà đề tự thỏa thuận; Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vào ngày 10/9/2019 vợ chồng chị có vay Ngân hàng N Chi nhánh T, tỉnh Long An số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn, trả theo 03 kỳ đến 10/9/2022 trả dứt điểm .

Bị đơn anh Nguyễn Văn M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng (như niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, giấy báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa,...) theo quy định của pháp luật nhưng anh M vẫn không đến để tham gia tố tụng cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N, đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Phan Trọng N có văn bản ngày 11/02/2020 xác nhận: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6615LAV-201903722 ngày 10/9/2019, anh M và chị N đã vay Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện T số tiền 150.000.000 đồng hạn trả cuối cùng 10/9/2022. Do khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khách hàng chưa vi phạm các điều khoản cam kết trên các hợp đồng nên Ngân hàng không tham gia tố tụng và không khởi kiện trong cùng vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mỗi quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị N và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Vì vậy, chị N yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2009, giới tính: nam và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/11/2018, giới tính: nam là có cơ sở. Vì cháu T và cháu D đang sống với chị N, được chăm sóc tốt. Chị N có công việc và thu nhập ổn định nên nguyện vọng được nuôi con của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: chị N không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Ngân hàng N Chi nhánh T, tỉnh Long An không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 02/6/2008. Đây là hôn nhân đúng pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh M có nhiều bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị N và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận theo yêu cầu của chị N được ly hôn với anh M.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/11/2018. Xét thấy, chị N hiện có công việc và thu nhập ổn định, cháu T và cháu D được chăm sóc tốt. Hơn nữa, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Cho nên, giao cháu T và cháu D cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn D.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N thông qua Chi nhánh T, tỉnh Long An số tiền 150.000.000 đồng. Do Ngân hàng N thông qua Chi nhánh T, tỉnh Long An có văn bản ngày 11/02/2020 không khởi kiện và không tham gia tố tụng nên không đề cập đến.

[6] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị Nguyệt là có căn cứ.

[5] Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.
2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2009, giới tính: nam và Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/11/2018, giới tính: nam.

(Hiện hai cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn D đang sống với chị Nguyễn Thị N)

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về cấp dưỡng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.
4. *Về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.
5. *Về nợ chung:* Nợ Ngân hàng N thông qua Chi nhánh T, tỉnh Long An số tiền 150.000.000 đồng. Do Ngân hàng N thông qua Chi nhánh T, tỉnh Long An có văn bản ngày 11/02/2020 không khởi kiện và không tham gia tố tụng nên không đề cập đến.

6. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008047 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (anh Nguyễn Văn M) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Cẩm Nhung

